

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2024/DS-ST

Ngày: 29/8/2024

“V/v Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Thanh

2. Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 29/8/2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024, về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 387/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Bá P**, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: **Tổ C, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.**

Người đại diện theo ủy quyền của ông **P**: Ông **Dương Hoàng V**, sinh năm 1965. Địa chỉ: **Số D, đường T, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** (Văn bản ủy quyền ngày 18/12/2023).

Bị đơn:

1/ **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1969.

2/ **Đinh Thị Thanh Q**, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: **Tổ I, khóm M, phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.**

(Ông **V**, ông **Đ**, bà **Q** có mặt tại phiên tòa, ông **V** vắng mặt khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Ông **Trần Bá P** có người đại diện theo ủy quyền là ông **Dương Hoàng V** trình bày:

Ngày 22/9/2013, ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Đinh Thị Thanh Q** có hỏi vay ông **P** số tiền 25.000.000 đồng, có làm biên nhận mượn tiền và sau 05 ngày hỏi vay thêm 5.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng 3%/tháng không ghi trong biên nhận.

Tổng cộng hai lần vay 30.000.000 đồng để sử dụng tiêu dùng, không có

thế chấp tài sản. Ông P có đến đòi tiền nhiều lần nhưng ông Đ, bà Q hứa hẹn nhưng không có ý định trả.

Ông P yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị Thanh Q trả số tiền 30.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 22/9/2013 đến 22/11/2023, cụ thể: 10 năm 02 tháng: 30.000.000 đồng x 1,66% x 122 tháng = 60.756.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 90.756.000 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên hòa giải ông V đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Đ và bà Q có mượn tiền ông H năm 2010, số tiền 10.000.000 đồng và có chuyển qua cho ông P, sau đó hai bên có đóng lãi không thì không biết, chỉ biết là nguyên đơn căn cứ vào giấy biên nhận ngày 22/9/2013 để khởi kiện. Bị đơn không thừa nhận biên nhận ngày 22/9/2013 thì bị đơn yêu cầu giám định. Lý do biên nhận ngày 22/9/2013 đến nay mới khởi kiện là do ông Đ hứa hẹn bán xe tải, bán nhà sẽ trả nhưng đến nay không trả.

Tại phiên tòa, ông V đại diện Ủy quyền ông P trình bày: Đối với lời trình bày của ông Đ và bà Q ông P không đồng ý. Từ năm 2013 đến năm 2019 ông Đ và bà Q hứa hẹn bán xe, bán đất để trả, thời điểm vay tiền ông Đ, bà Q có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P, sau đó ông Đ và bà Q đến xin lại giấy đất (không nhớ năm) để làm thủ tục do có quy hoạch đất nên ông P có giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ và bà Q để làm thủ tục. Đến năm 2019 ông Đ và bà Q hứa bán đất để trả cho ông P, sau đó có đòi nhiều lần nhưng ông Đ, bà Q hẹn nhưng không trả. Đối với số tiền lãi bị đơn trình bày, ông P không có nhận, không đồng ý việc bị đơn xin không trả lãi. Do ông Đ và bà Q hứa hẹn trả nợ kéo dài từ năm 2013 đến nay nhưng không trả.

Nay ông P thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ông Trần Bá P xin rút yêu cầu đối với số tiền vốn 5.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 5.000.000 đồng theo đơn khởi kiện. Ông P chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị Thanh Q trả số tiền vốn gốc 25.000.000 đồng theo biên nhận 22/9/2013 và số tiền lãi tính cụ thể: tính từ ngày 22/12/2013 đến ngày 22/8/2024 (bỏ 03 tháng theo biên nhận và bỏ ngày lễ): 25.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 128 tháng = 26.560.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 51.560.000 đồng.

Đối với bà Cao Thị Thùy H1, sinh năm 1970, địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là vợ ông P, đây là số tiền của ông P cho ông Đ và bà Q vay là tiền cá nhân ông P, không phải tiền chung vợ chồng, không liên quan đến bà H1, Không yêu cầu gì đối với bà H1, không yêu cầu đưa bà H1 vào tham gia tố tụng. Ngoài ra ông P không còn yêu cầu khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị Thanh Q trình bày:

Tại phiên hòa giải ông Đ, bà Q trình bày: Vào năm 2010, ông Đ bị tai nạn xe tại Bến Tre, do ông phải bồi thường bên kia nên có mượn của anh H (em ruột ông P, không biết rõ họ và chữ lót ông H), thời điểm đó ông Đ và bà Q có mượn của ông H 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng, có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Phường C. Đến 2013 Nhà nước bồi thường đất xây cầu C nên có xin anh H lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm thủ tục nhận tiền bồi thường. Cùng năm 2013, ông P nói với ông Đ và bà Q là ông P

giao tiền cho anh **H** 10.000.000 đồng, Ông **Đ** và bà **Q** đóng lãi cho ông **P**. Khi chuyển qua cho ông **P**, đóng lãi 1.000.000 đồng/tháng, khoảng một năm sau là nhập thêm 5.000.000 đồng tiền lãi (Do ông **Đ**, bà **Q** không có tiền đóng lãi nên cộng dồn tiền lãi), tổng vốn, lãi là 15.000.000 đồng, ông **Đ** có ghi biên nhận 15.000.000 đồng cho ông **P** tại công viên thiếu nhi (lúc đó không có ai chỉ có ông **Đ** và ông **P**). Tổng cộng nợ ông **P** lại 15.000.000 đồng, đóng lãi 1.500.000 đồng/tháng, đóng lãi từ khoảng tháng 4/2014 đến năm 2016. Ngày 11/6/2019 (al) khi đám cưới con ông **Đ** và bà **Q** xong, ông **Đ** và bà **Q** có đem 5.000.000 đồng qua nhà ông **P** trả 5.000.000 đồng, xin ông **P** và vợ ông **P** là bà **H1** bỏ vốn lãi vì đã đóng lãi quá số tiền vốn nhưng ông **P** và bà **H1** không đồng ý. Khoảng vài tháng sau ông **P** có qua nói với ông **Đ**, bà **Q** cho đóng mỗi tháng 500.000 đồng, đóng đến hết thì thôi, không có chốt lại nợ bao nhiêu, ông **Đ** và bà **Q** đóng đến tháng 10/2023 không còn đóng tiếp được nữa.

Trong quá trình đóng lãi cho ông **P** không có viết giấy tờ gì và không ai biết, chỉ vợ chồng ông **P** biết, vợ ông **P** là bà **H1** không biết họ gì, vợ chồng ông **P** là giáo viên về hưu. Theo quá trình đóng lãi từ năm 2010 đến nay đã hơn nhiều so với số tiền vốn và lãi.

Đối với biên nhận nhận tiền năm 2010 bà **Q** viết bằng tay số tiền mượn 10.000.000 đồng, bà **Q** viết tại nhà ông **H**, mượn tiền của ông **H**, biên nhận viết trên giấy tập học sinh, còn biên nhận ngày 22/9/2013 không phải chữ viết và chữ ký của ông **Đ**, bà **Q**. Ông **Đ**, bà **Q** yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của biên nhận ngày 22/9/2023 và sẽ gửi đơn yêu cầu giám định trong 15 ngày, kể từ ngày hôm nay 26/6/2024, nếu sau 15 ngày ông **Đ**, bà **Q** không nộp đơn yêu cầu giám định thì Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, ông **Đ**, bà **Q** không có ý kiến và khiếu nại về sau. Ông **Đ** và bà **Q** không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu khác.

Biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2024, ông **Đ** và bà **Q** trình bày: Tại phiên hòa giải ngày 26/6/2024, ông **Đ** và bà **Q** có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của biên nhận ngày 22/9/2013, tuy nhiên do khó khăn ông **Đ**, bà **Q** không có tiền nộp chi phí giám định nên ông **Đ**, bà **Q** thống nhất không tiếp tục yêu cầu giám định, xin rút đơn yêu cầu giám định.

Ông **Đ** và bà **Q** đồng ý trả số tiền 25.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn vì từ năm 2013 đến nay đã trả lãi hơn số tiền đó. Đề nghị Tòa án điều chỉnh lãi theo quy định hiện nay. Ông **Đ** và bà **Q** không có tài liệu, chứng cứ nhưng thực tế trước nay đều có trả lãi. Đối với số tiền mượn 5.000.000 đồng nguyên đơn trình bày, ông **Đ** và bà **Q** không có mượn, không đồng ý trả theo yêu cầu nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông **Đ** và bà **Q** trình bày: Ông **Đ** và bà **Q** nhớ vào năm 2017 ông **Đ** và bà **Q** chưa có đóng lãi nên cộng lại vốn, lãi 25.000.000 đồng và ký biên nhận nợ 25.000.000 đồng vào năm 2017 chứ không phải năm 2013. Từ năm 2017 đóng lãi đến năm 2021 là 500.000 đồng/tháng, đóng đến tháng 10/2023. Ngày 23 tháng 12 âm lịch năm 2023 ông **Đ** và bà **Q** có trả tiếp cho ông **P** 300.000 đồng, từ đó đến nay không còn khả năng trả nữa, đối với tổng số tiền lãi đã đóng ông **Đ**, bà **Q** không có cộng chỉ biết hơn số tiền vốn. Do lúc giao tiền

lãi cho ông P chỉ có vợ chồng ông Đ và bà Q, không có ghi biên nhận lãi nên không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa.

Đối với bà Cao Thị Thùy H1, sinh năm 1970, địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là vợ ông P. Ông Đ, bà Q không biết số tiền này có phải vợ chồng hay không, chỉ nhận tiền mượn từ ông P. Ông Đ bà Q không yêu cầu gì đối với bà H1.

Nay ông Đ, bà Q đồng ý trả số tiền vốn gốc 25.000.000 đồng theo biên nhận, xin ông P giảm số tiền lãi ông P yêu cầu. Ông Đ và bà Q không đồng ý trả số tiền lãi, vì hiện tại ông Đ và bà Q đang rất khó khăn, từ trước đến nay ông, bà có trả lãi cho ông P đã hơn số tiền vốn rất nhiều.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Địa chỉ của bị đơn cùng địa chỉ: Tổ I, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Ông Trần Bá P yêu cầu ông Đ và bà Q trả số tiền vốn gốc 25.000.000 đồng theo biên nhận 22/9/2013 và số tiền lãi tính cụ thể: tính từ ngày 22/12/2013 đến ngày 22/8/2024 (bỏ 03 tháng theo biên nhận và bỏ ngày lễ): $25.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 128 \text{ tháng} = 26.560.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng vốn và lãi là 51.560.000 đồng. Ông Đ và bà Q đồng ý trả số tiền vốn gốc 25.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên nhận ngày 22/9/2013, ông Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị Thanh Q có vay số tiền 25.000.000 đồng của ông Trần Bá P, cụ thể:

Theo nguyên đơn trình bày: Biên nhận vay tiền ngày 22/9/2013, thời hạn trả 03 tháng, nội dung biên nhận không thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, có chữ ký viết họ tên Nguyễn Văn Đ và chữ ký tên Q. Ông P trình bày biên nhận nợ từ năm 2013 đến 2024 mới khởi kiện, quá thời hạn thanh toán đã lâu là do ông Đ và bà Q có hứa hẹn nhiều lần để bán xe, bán đất trả nhưng hứa hẹn từ năm 2013 đến nay không thanh toán nên ông P khởi kiện. Tại phiên hòa giải ông Đ và bà Q không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận năm 22/9/2013 là của ông, bà và có đơn xin giám định chữ ký chữ viết, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2019 và tại phiên tòa ông Đ và bà Q đã rút yêu cầu giám định và thừa nhận có ký biên nhận 25.000.000 đồng do cộng dồn lãi suất lại và ký vào năm 2017 (không nhớ ngày, tháng biên

nhận) chứ không phải năm 2013. Trong thời gian vay năm 2013 đến năm 2023 ông Đ và bà Q có trả lãi theo trình bày trên, tuy nhiên lúc trả lãi cho ông P chỉ có ông P và vợ chồng ông Đ, bà Q biết. Ông P không thừa nhận về việc từ khi vay đến nay ông Đ và bà Q có trả lãi cho ông P, ông Đ và bà Q không có tài liệu chứng cứ chứng minh về việc có trả lãi và tổng số tiền lãi đã cho ông P. Ông Đ và bà Q đồng ý trả số tiền vốn 25.000.000 đồng theo biên nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về số tiền vốn vay: Nguyên đơn ông P yêu cầu bị đơn ông Đ và bà Q trả số tiền vốn 25.000.000 đồng. Ông Đ và bà Q đồng ý trả số tiền vốn gốc 25.000.000 đồng. Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện các đương sự.

Đối với số tiền lãi suất nguyên đơn yêu cầu, Bị đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh có trả số tiền lãi theo lời trình bày trên. Nguyên đơn không thừa nhận bị đơn có trả lãi. Do biên nhận vay giữa ông P và Ông Đ, bà Q được xác lập ngày 22/9/2013, Tại thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, quy định về hợp đồng vay tài sản, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với Bộ luật dân sự 2015, theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 và căn cứ Điều 2, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*", Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự 2005 và 2015 để giải quyết, cụ thể:

Theo biên nhận thỏa thuận thời hạn trả nợ là 03 tháng, quá thời hạn thỏa thuận 03 tháng, ông Đ và bà Q không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu lãi suất. Biên nhận nợ không ghi nhận lãi suất bao nhiêu %. Tuy nhiên, ông P trình bày lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng. Ông Đ và bà Q trình bày lãi suất thỏa thuận 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/tháng đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng và 15.000.000 đồng. Như vậy, xác định hai bên có sự tranh chấp về lãi suất, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật, điều chỉnh như sau:

Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu: Tính lãi số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng từ ngày 22/12/2013 đến ngày 31/12/2016 là 36 tháng + 09 ngày, mức lãi suất cơ bản 9%/năm: $25.000.000 \text{ đồng} \times 0.75\%/\text{tháng} \times (36 \text{ tháng} + 09 \text{ ngày}) = 6.806.250 \text{ đồng}$.

Lãi suất từ ngày 01/01/2017 đến ngày 22/8/2024, lãi suất 10%/năm: $25.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times (91 \text{ tháng} + 21 \text{ ngày}) = 19.027.763 \text{ đồng}$.

Tổng cộng lãi: 25.833.986 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần số tiền lãi là 25.833.986 đồng, không chấp nhận một phần số tiền lãi 726.014 đồng (26.560.000 đồng – 25.833.986 đồng).

[3]. Nguyên đơn ông Trần Bá P xin rút yêu cầu đối số tiền vốn 5.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 5.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[4]. Đối với số tiền cho ông Đ và bà Q vay ông P trình bày là tiền cá nhân ông P, không yêu cầu đưa bà HI vào tham gia tố tụng, không yêu cầu đối với bà

H1. Ông Đ, bà Q không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền mượn là của vợ chồng ông P, không có ý kiến đòi với bà H1, ông Đ và bà Q nhận tiền từ ông P nên không có yêu cầu gì đối với bà H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị Thanh Q phải chịu án phí là 2.541.699 đồng.

Ông Trần Bá P được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí phải chịu phần yêu cầu không được chấp nhận theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 1 Điều 147; Điều 212, 213, 235 và 246; điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, 473, 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*".

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự :

Ông Trần Bá P yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị Thanh Q trả số tiền gốc 25.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị Thanh Q đồng ý trả số tiền vốn gốc 25.000.000 đồng.

[2]. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Bá P: Yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị Thanh Q trả số tiền lãi 25.833.986 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị Thanh Q trả cho ông Trần Bá P số tiền lãi 25.833.986 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành theo mức lãi suất pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông **Trần Bá P** đối với số tiền lãi 726.014 đồng.

[4]. Đình chỉ yêu cầu của ông **Trần Bá P** đối với số tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 5.000.000 đồng.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Đinh Thị Thanh Q** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.541.699 đồng.

Ông **Trần Bá P** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí phải chịu phần yêu cầu không được chấp nhận theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tuyết Nga